TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 47/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 06-9-2017
V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vũ.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Huỳnh Minh Thuận.
2. Ông Trần Huy Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Sa The-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Út Hoài-Kiểm sát viên.

Trong ngày 06/9/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 117/2017/TLST-HNGĐ ngày 04/7/2017, về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2017/QĐST-HNGĐ ngày 02/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2017/QĐST-HNGĐ ngày 17/8/2017 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Lý Thị T1; Sinh năm: 1987; Địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

* *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh T2; Sinh năm: 1984; Địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện do bà Lý Thị T1 lập ngày 10/6/2017, biên bản lấy lời khai đương sự ngày 20/7/2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn Lý Thị T1 trình bày như sau: Vào năm 2004, bà Lý Thị T1, sinh năm 1987 và ông Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1984 tự nguyện tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới nhau, bà T1 và ông T2 chung sống với nhau như vợ chồng đến tháng 4/2015 thì không chung sống với nhau nữa. Trong thời gian chung sống, bà T1 và ông T2 có ba người con chung là Nguyễn Thị Tuyết M, sinh ngày 27/9/2005, Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 05/9/2008 và Nguyễn Thị Tuyết A, sinh ngày 31/3/2015, hiện nay các cháu M, N và A sống chung với bà T1. Hiện nay, bà T1 làm thuê có thu nhập trung bình là 6.000.000 đồng/tháng. Bà T1 và ông T2 không có tài sản chung và nợ chung.

Nay bà T1 yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T2. Về con chung, bà T1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng ba người con chung đến đi thành niên và yêu cầu ông T2 cấp dưỡng cho các cháu Tuyết M, Tuyết N và Tuyết A với số tiền là 650.000 đồng/người/tháng, theo phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 10/2017 đến khi các cháu M, N và A thành niên. Về tài sản chung và nợ chung, bà bà T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn Nguyễn Thanh T2 nhiều lần để cung cấp lời khai về vụ án, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông T2 đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thu thập được lời khai của ông T2 về vụ án.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên không công nhận quan hệ chung sống giữa bà Lý Thị T1 và ông Nguyễn Thanh T2 là vợ chồng. Về con chung, căn cứ các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T1, giao ba người con chung của bà T1 và ông T2 cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng và buộc ông T2 cấp dưỡng cho ba người con chung theo quy định. Đồng thời, căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử buộc bà T1 và ông T2 chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[2] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 20/6/2017, Tòa án nhân dân huyện Trần Đề nhận được đơn khởi kiện của bà Lý Thị T1 lập ngày 10/6/2017 cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo do bà T2 nộp trực tiếp tại Tòa án. Ngay sau khi nhận được đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án thực hiện thủ tục nhận, xử lý đơn khởi kiện của bà T1 và thụ lý vụ án theo đúng quy định tại các điều 191 và 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 10/6/2017, bà Lý Thị T1 yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Thanh T2 có nơi cư trú tại ấp Đ, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ

luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Trần Đề thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[4] Về xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn Nguyễn Thanh T2 vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn Lý Thị T1:

[6] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2004, bà T1 và ông T2 tự nguyện cưới nhau theo phong tục tập quán địa phương và chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thì quan hệ chung chung sống của bà T1 và ông T2 không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ chung sống giữa bà T1 và ông T2 là vợ chồng.

[7] Về con chung:

[8] Bà Lý Thị T1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng ba người con chung đến khi thành niên. Xét lời trình bày bà T1 xác định bà T1 và ông Nguyễn Thanh T2 có ba người con chung là Nguyễn Thị Tuyết M, sinh ngày 27/9/2005, Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 05/9/2007 và Nguyễn Thị Tuyết A, sinh ngày 31/3/2015 là phù hợp với các Giấy khai sinh số 93/TLKS-BS ngày 26/7/2017, số 110 ngày 10/3/2009 và số 72/2015 ngày 06/4/2015 do Ủy ban nhân dân xã V cấp. Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà T là phù hợp với điều kiện thực tế cần ổn định cuộc sống của các cháu Tuyết M, Tuyết N, Tuyết A, cũng như phù hợp với nguyện vọng muốn sống chung với mẹ của các cháu Tuyết M, Tuyết N và phù hợp với điều kiện trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên của bà T1. Vì vậy, căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao các cháu Nguyễn Thị Tuyết M, Nguyễn Thị Tuyết N và Nguyễn Thị Tuyết A cho bà Lý Thị T1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên.

[9] Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung: Tại phiên tòa, bà Lý Thị T1 yêu cầu ông Nguyễn Thanh T2 cấp dưỡng cho các cháu Nguyễn Thị Tuyết M, Nguyễn Thị Tuyết N và Nguyễn Thị Tuyết A là người chưa thành niên số tiền là 650.000 đồng/tháng/người, thời gian cấp dưỡng từ tháng 10/2017 đến khi các cháu thành niên, theo phương thức cấp dưỡng hàng tháng. Xét yêu cầu của bà Thanh là phù hợp với quy định của khoản 2 Điều 82, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Lý Thị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên không đặt ra xem xét.

[11] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Lý Thị T1 chịu án

phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng và ông Nguyễn Thanh T2 chịu án phí dân sự sơ nthẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng.

[12] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn Nguyễn Thanh T2 vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án cho bị đơn Nguyễn Thanh T2.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ:** khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ chung sống giữa bà Lý Thị T1 và ông Nguyễn Thanh T2 là vợ chồng.

2. Về con chung:

- Giao cho bà Lý Thị T1 trực tiếp nuôi dưỡng ba người con chung của bà Lý Thị T1 và ông Nguyễn Thanh T2 là Nguyễn Thị Tuyết M, sinh ngày 27/9/2005, Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 05/9/2007 và Nguyễn Thị Tuyết A, sinh ngày 31/3/2015 đến khi thành niên (hiện nay, các cháu Nguyễn Thị Tuyết M, Nguyễn Thị Tuyết N và Nguyễn Thị Tuyết A sống chung với bà Lý Thị T1).

- Ông Nguyễn Thanh T2 có nghĩa vụ cấp dưỡng cho ba người con chung là Nguyễn Thị Tuyết M, sinh ngày 27/9/2005, Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 05/9/2007 và Nguyễn Thị Tuyết A, sinh ngày 31/3/2015 với mức cấp dưỡng là 650.000 đồng (Sáu trăm năm mươi ngàn đồng)/người/tháng (do bà Lý Thị T1 là người trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Thị Tuyết M, Nguyễn Thị Tuyết N và Nguyễn Thị Tuyết A đại diện nhận tiền cấp dưỡng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 10/2017 đến khi Nguyễn Thị Tuyết M, Nguyễn Thị Tuyết N và Nguyễn Thị Tuyết A thành niên theo phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng. Địa điểm giao nhận tiền cấp dưỡng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Ông Nguyễn Thanh T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom Nguyễn Thị Tuyết M, Nguyễn Thị Tuyết N và Nguyễn Thị Tuyết A mà không ai được cản trở. Ông Nguyễn Thanh T2 không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Nguyễn Thị Tuyết M, Nguyễn Thị Tuyết N và Nguyễn Thị Tuyết A của bà Lý Thị T1.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lý Thị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lý Thị T1 chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006372 ngày 28/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Ông Nguyễn Thanh T2 chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

5. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn Nguyễn Thanh T2 vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án cho bị đơn Nguyễn Thanh T2.

Nơi nhận:
- Các bên đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV &THA);
- VKSND huyện Trần Đề;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu (HSVA & TA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Thanh Vũ